

Số: **4913**/SGDDT-KHTC

Hà Nội, ngày **24** tháng **11** năm 2025

V/v báo cáo tổng hợp nhu cầu kinh phí
hỗ trợ học phí, cấp bù tiền miễn học
phí năm học 2025-2026 theo quy định
tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các phường, xã

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND Thành phố về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND);

Thực hiện Công văn số 19133/VP-KGVX ngày 20/11/2025 của Văn phòng UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố;

Thực hiện quy định tại các Điều: 18, 19, 20 và 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; quy định tại các Điều: 3, 4 Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND.

Đề kịp thời tổng hợp số liệu, báo cáo Sở Tài chính về nhu cầu kinh phí hỗ trợ học phí, kinh phí cấp bù tiền miễn học phí năm học 2025-2026 theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND đối với các cơ sở giáo dục thuộc UBND các phường, xã (sau đây gọi tắt là UBND xã) theo phân cấp quản lý (quy định tại Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND), cụ thể: (1) cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; (2) cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu; (3) cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; (4) cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục chất lượng cao).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các xã triển khai các nội dung về báo cáo tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao: cơ sở giáo dục lập danh sách học sinh, đồng thời tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ học phí năm học 2025-2026 theo **Biểu số 01.1/XÃ/HỖ TRỢ/CLC** gửi UBND xã. UBND phường, xã rà soát, đối chiếu, tổng hợp, báo cáo số liệu của các cơ sở giáo dục theo **Biểu số 01.2/XÃ/HỖ TRỢ/CLC**.

2. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu: Cơ sở giáo dục lập danh sách học sinh của đơn vị đồng thời tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ học phí năm học 2025-2026 theo **Biểu số 02.1/XÃ/HỖ TRỢ/CĐĐH** gửi UBND xã. UBND xã rà soát, đối chiếu, tổng hợp, báo cáo số liệu của các cơ sở giáo dục theo **Biểu số 02.2/XÃ/HỖ TRỢ/CĐĐH**.

3. Cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông: Cơ sở giáo dục lập danh sách học sinh, đồng thời tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ học phí năm học 2025-2026 của trường theo **Biểu số 03.1/XÃ/HỖ TRỢ/TƯ THỰC** gửi UBND xã. UBND xã rà soát, đối chiếu, tổng hợp báo cáo số liệu của các cơ sở giáo dục theo **Biểu số 03.2/XÃ/HỖ TRỢ/TƯ THỰC**.

4. Cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu): Cơ sở giáo dục lập danh sách học sinh, đồng thời tổng hợp nhu cầu kinh phí cấp bù tiền miễn học phí năm học 2025-2026 theo **Biểu số 04.1/XÃ/CẤP BÙ/CÔNG LẬP** gửi UBND xã. UBND xã rà soát, đối chiếu, tổng hợp báo cáo số liệu của các cơ sở giáo dục theo **Biểu số 04.2/XÃ/CẤP BÙ/CÔNG LẬP**.

5. Báo cáo tổng hợp nhu cầu kinh phí

a) Báo cáo tổng hợp của UBND các phường, xã gồm: **Biểu số 01.2/XÃ/HỖ TRỢ/CLC**, **Biểu số 02.2/XÃ/HỖ TRỢ/CĐĐH**, **Biểu số 03.2/XÃ/HỖ TRỢ/TƯ THỰC** và **Biểu số 04.2/XÃ/CẤP BÙ/CÔNG LẬP**.

b) Thời gian nộp báo cáo: gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo qua Phòng Kế hoạch - Tài chính theo địa chỉ email: kh-tc@hanoiedu.vn (gồm 01 bản scan ký, đóng dấu và file mềm) **trước ngày 30/11/2025**, đồng thời gửi Sở Tài chính.

(Gửi kèm theo Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND và các biểu mẫu báo cáo)

Đề nghị UBND các phường, xã phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *th*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Toàn

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ
47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025
CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026

Số TT	Tên học sinh	Mã học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ học phí (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					

Người lập

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

PHƯỜNG (XÃ)....
Trưởng

Biểu số 01.1/XÃ/HỒ TRỢ/CLC

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ HỒ TRỢ HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (1000 đồng)		
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Cộng	
A	B	1 = (2 +...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15	
	Trưởng	-											4	5	-	-	-	

Người lập (số điện thoại.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (1000 đồng)		Cộng
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026				
A	B	1 = (2 +...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15	
	Tổng cộng	-	-	-	-	-	-								-	-	-	
I	Cấp Mầm non	-	-	-	-	-	-										-	
1	Trường ...	-											4	5	-		-	
2	Trường ...	-											4	5	-		-	
3	Trường ...	-											4	5	-		-	
																		
II	Cấp Tiểu học	-	-	-	-	-	-										-	
1	Trường ...	-											4	5	-		-	
2	Trường ...	-											4	5	-		-	
3	Trường ...	-											4	5	-		-	
																		
III	Cấp THCS	-	-	-	-	-	-										-	
1	Trường ...	-											4	5	-		-	
2	Trường ...	-											4	5	-		-	
3	Trường ...	-											4	5	-		-	
																		
IV	Các trường liên cấp (nếu có)	-	-	-	-	-	-										-	
1	Trường ...	-											4	5	-		-	
2	Trường ...	-											4	5	-		-	
3	Trường ...	-											4	5	-		-	
																		

Người lập (số điện thoại:.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

PHƯỜNG (XÃ)....
Trưởng

Biểu số 02.1/XÃ/HỒ TRỢ/CĐĐH

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG THUỘC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆN NGHIÊN CỨU

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (1000 đồng)			
			Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026					
A	B	1 = (2 +...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15		
	Trưởng	-											4	5	-	-	-		

Người lập (số điện thoại.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 02.2/XÃ/HỒ TRỢ/CĐĐH

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG THUỘC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆN NGHIÊN CỨU

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố					Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (1000 đồng)		Cộng
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	
A	B	1=(2+...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cấp Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Cấp Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Cấp THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	Các trường liên cấp (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập (số điện thoại.....)

Ngày tháng năm 2025

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
Trường

Biểu số 03.1/XÃ/HỖ TRỢ/TƯ THỰC

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON DÂN LẬP TỰ THỰC, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TỰ THỰC, CƠ SỞ GIÁO DỤC TỰ THỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ học phí (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (1000 đồng)			
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026	Cộng				
A	B	1 = (2 +...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15		
	Trường	-											4	5	-	-	-		

Người lập (số điện thoại:.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

PHƯỜNG (XÃ)....

Biểu số 03.2/XÃ/HỒ TRỢ/TU' THỰC
TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON DÂN LẬP TU' THỰC, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TU' THỰC, CƠ SỞ GIÁO DỤC TU' THỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG;

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ học phí (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (1000 đồng)	
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026	Cộng		
A	B	1 = (2 + ... + 6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cấp Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Cấp Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Cấp THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	Các trường liên cấp (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
2	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
3	Trường ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	5	-	-	-
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập (số điện thoại.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ MIỄN HỌC PHÍ
THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025
CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026
(Phục vụ tổng hợp báo cáo số liệu cấp bù tiền miễn học phí)

Số TT	Tên học sinh	Mã học sinh	Lớp	Mức cấp bù tiền miễn học phí (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
....					

Người lập

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TRƯỜNG.....

Biểu số 04.1/XÁ/CÁP BÙ/CÔNG LẬP

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP, CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được cấp bù tiền miễn học phí						Mức cấp bù học phí (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng cấp bù		Nhu cầu kinh phí cấp bù (1000 đồng)		
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026	Cộng			
A	B	1 = (2 +...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15	
		-											4	5	-	-	-	

Người lập (số điện thoại.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2024/NQ-HĐND NGÀY 13/11/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2025-2026 ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP, CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được cấp bù tiền miễn học phí						Mức cấp bù học phí (1000 đồng/học sinh/tháng) theo quy định tại Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố						Số tháng cấp bù		Nhu cầu kinh phí cấp bù (1000 đồng)		
		Tổng số	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi)	Trẻ mầm non 5 tuổi	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Cộng	
A	B	1 – (2 +...+6)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16 = 14 + 15	
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Cấp Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	Cấp Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Cấp THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	Các trường liên cấp (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
.....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Người lập (số điện thoại:.....)

Ngày tháng năm 2025
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 377/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026 theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-VHXXH ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 445/BC-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định).

1. Mức học phí theo hình thức học trực tiếp

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng.

Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000

2. Mức học phí theo hình thức học trực tuyến (Online): bằng 75% mức học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000

3. Mức học phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là căn cứ để quy định mức ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn học phí.

4. Mức học phí để tính học bổng khuyến khích học tập (bao gồm thời gian học theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến) đối với học sinh trung học phổ thông chuyên trong các trường chuyên và học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (Phụ lục 03), bằng mức học phí đối với học sinh cấp học trung học phổ thông theo hình thức học trực tiếp được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định). Thực hiện bằng mức học phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này tương ứng theo hình thức học, cấp học.

Điều 4. Mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục,

cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu.

1. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)			
Mức hỗ trợ học phí	155	217	155	155	217

2. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến (Online): bằng 75% mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)			
Mức hỗ trợ học phí	116	163	116	116	163

Trường hợp mức hỗ trợ học phí quy định tại Điều này cao hơn mức thu học phí của cơ sở giáo dục, mức hỗ trợ học phí bằng mức thu học phí của cơ sở giáo dục đang thực hiện.

Điều 5. Quy định thời gian áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến (học online) trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

1. Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến: Áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí tương ứng theo hình thức học của cấp học.

2. Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến, căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại cơ sở giáo dục để áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí, cụ thể:

a) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện mức học phí, mức cấp bù tiền miễn và mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp tương ứng của cấp học.

b) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện mức học phí, mức cấp bù tiền miễn và mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến tương ứng của cấp học.

3. Tổng thời gian (số tháng) để áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) tối đa không quá 9 tháng/năm học.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên khi thực hiện chính sách cấp bù tiền miễn học phí theo quy định tại Nghị quyết này có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức tự bảo đảm chi thường xuyên, các đơn vị có trách nhiệm rà soát lại phương án tự chủ tài chính, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo phân cấp quản lý xem xét, thẩm định để giao quyền tự chủ tài chính theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức cấp bù tiền miễn học phí, mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện chính sách từ năm học 2025-2026 gồm các nội dung:

Cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Hỗ trợ học phí đối với người học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định sắp xếp, phân loại lại các vùng trên địa bàn Thành phố hoặc có thay đổi về chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chỉ số lạm phát và tốc độ tăng trưởng kinh tế cần thiết phải thay đổi mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học

phí và mức hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này. Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới, phù hợp với thực tế của Thành phố.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024; số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo.

2. Thời gian thực hiện: từ năm học 2025-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 27 thông qua và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, ĐBQH&HĐND TP; UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường của TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19133 /VP-KGVX
V/v triển khai thực hiện Nghị
quyết số 47/2025/NQ-HĐND
ngày 13/11/2025 của Hội đồng
nhân dân Thành phố

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội (có văn bản gửi kèm).

Về việc này, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Vũ Thu Hà có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu văn bản của UBND Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố đảm bảo đúng quy định pháp luật và Thành phố, báo cáo UBND Thành phố trước ngày 30/11/2025.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch UBND TP Vũ Thu Hà;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- VP UBND TP: CVP, PCVP P.T.T.Huyền,
- Các phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX_{Huyền}



Phạm Thị Thu Huyền